**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN PHÚ GIÁO**
**TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập -Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2022/HS-ST
Ngày 21-10-2022

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Mạnh

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Kim Niệm;

Bà Lê Thị Phương Dung.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Hồ Phúc Vĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa***: Bà Trần Thị Nương - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 65/2022/TLST-HS ngày 18 tháng 7 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2022/QĐXXST-HS ngày 05/9/2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Tấn T, sinh năm 1998 tại Bình Dương. Nơi cư trú: Khu phố 3, thị trấn P, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn V và bà Huỳnh Thị Bích T1; tiền án: Không;

Tiền sự:

- Ngày 05/8/2019, bị Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.500.000 đồng về hành vi xâm hại sức khỏe người khác theo Quyết định số 280a/QĐ-UBND

- Ngày 08/8/2019, bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy trong thời gian 03 tháng từ ngày 05/8/2019 đến ngày 05/11/2019 theo Quyết định số 281/QĐ-XPVPHC của Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Ngày 24/11/2020, bị Công an huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xử phạt hành chính số tiền 2.500.000 đồng về hành vi xâm hại đến sức khỏe của người khác theo Quyết định số 183/QĐ-XPVPHC.

Nhân thân:

- Năm 2017, bị Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xử phạt 20 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích theo bản án hình sự sơ thẩm số 46/2017/HSST ngày 23/8/2017.

- Ngày 11/6/2016, bị Công an huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xử phạt 1.250.000 đồng về hành vi Cố ý gây thương tích, theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 13/QĐ-XPVPHC.

- Ngày 01/12/2021, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích theo bản án số 152/2021/HSPT, đang chấp hành án tại Trại giam An Phước cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trần Thị H, sinh năm 1999. Nơi cư trú: Ấp 7, xã AL, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

2. Ông Huỳnh Thành P1, sinh năm 1998. Nơi cư trú: Khu phố 3, thị trấn P, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

3. Bà Tô Thị Bích C, sinh năm 1979. Nơi cư trú: Ấp 3, xã TH, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

4. Bà Phạm Thị Thúy K, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Ấp 2, xã TH, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

5. Ông Huỳnh Mạnh H1, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Khu phố 1, thị trấn P, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

6. Ông Trương Hoàng Tuấn V1, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Khu phố 5, thị trấn P, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Tấn T ngoài làm nghề cửa sắt, T còn kiếm thêm tiền thu nhập bằng việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự trên địa bàn huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Do có quen biết với bà Trần Thị H và H biết T cho vay tiền có tính lãi suất nên ngày 23/01/2020, H hỏi vay của T số tiền 10.000.000 đồng. T đồng ý nhưng không làm giấy tờ vay mượn tiền. T và H thỏa thuận hình thức vay tiền như sau: Trần Thị H vay mượn số tiền 10.000.000đ của T, lãi suất thỏa thuận là 1,5%/1.000.000đ/ngày tương đương số tiền là 150.000đ/ngày cho khoản vay 10.000.000đ và cứ 10 ngày T sẽ liên hệ lấy tiền lãi của bà H một lần còn tiền gốc khi nào có tiền sẽ trả cho T. Sau khi thỏa thuận xong, T đưa cho bà

H số tiền 8.500.000đ, tức T đã lấy số tiền lãi 1.500.000đ của 10 ngày đầu tiên. Đến ngày 15/5/2020, bà H đã trả tiền lãi cho T được 10 lần với số tiền lãi 15.000.000 đồng. Tuy nhiên lãi suất cho vay hợp pháp theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự mà bị cáo T được hưởng là 622.235đ, vậy số tiền lãi thu lợi bất chính của bị cáo T là 14.377.765đ tiền lãi. Hiện tại bà H còn nợ T 10.000.000đ tiền gốc và 1.800.000đ tiền lãi. Lúc này, bà H nhận thấy T có hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nên đã tố giác hành vi của T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Giáo giải quyết theo quy định pháp luật. Quá trình điều tra, Nguyễn Tấn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Ngoài ra, T còn khai nhận ngoài lần cho bà Trần Thị H vay số tiền 10.000.000đ vào ngày 23/01/2020, T còn cho bà H vay số tiền 10.000.000đ vào khoảng tháng 12/2019 và có cho một số người khác vay mượn tiền với lãi suất thỏa thuận là 1,5%/1.000.000đ/ngày tương đương với 45%/tháng, 540%/năm cụ thể như sau:

1. Bà Trần Thị H: Khoảng tháng 12/2019, Nguyễn Tấn T cho bà H vay số tiền 10.000.000đ, không làm giấy tờ vay mượn tiền. T và H thỏa thuận hình thức vay tiền như sau: Trần Thị H vay mượn số tiền 10.000.000đ của T, lãi suất thỏa thuận là 1,5%/1.000.000đ/ngày tương đương số tiền là 150.000đ/ngày cho khoản vay 10.000.000đ và cứ 10 ngày T sẽ liên hệ lấy tiền lãi của bà H một lần còn tiền gốc khi nào có tiền sẽ trả cho T. Sau khi thỏa thuận xong, T đưa cho bà H số tiền 8.500.000đ, tức T đã lấy số tiền lãi 1.500.000đ của 10 ngày đầu tiên. Đến tháng 01/2020, bà H đã trả cho T 02 lần tiền lãi với số tiền là 3.000.000đ và trả đủ số tiền gốc 10.000.000đ cho T. Tuy nhiên lãi suất cho vay hợp pháp theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự mà bị cáo T được hưởng là 111.333đ, vậy số tiền lãi thu lợi bất chính của bị cáo T là 2.888.667đ.

2. Ông Huỳnh Thành P1: Vào dịp tết nguyên đán năm 2019 có vay của bị cáo T với số tiền là 8.000.000đ nhưng không làm giấy tờ vay mượn tiền, lãi suất thỏa thuận là 15.000đ/1.000.000đ/ngày và thu theo tuần là 835.000đ/tuần. Đến ngày 20/5/2020 ông P1 đã trả cho bị cáo T được 12 lần với tổng số tiền lãi đã trả là 10.020.000đ. Tuy nhiên lãi suất cho vay hợp pháp theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự mà bị cáo T được hưởng là 373.341đ, vậy số tiền lãi thu lợi bất chính của bị cáo T là 9.646.659đ. Hiện tại ông P1 còn nợ lại 8.000.000đ tiền gốc.

3. Bà Tô Thị Bích C: Ngày 03/12/2019, bà C có vay tiền của bị cáo T với số tiền là 15.000.000đ nhưng không làm giấy tờ vay mượn tiền, thỏa thuận lãi suất là 1.000.000đ thì phải trả 15.000đ/ngày và cứ 05 ngày thì trả tiền lãi một lần với số tiền lãi là 1.125.000đ. Khi vay thì bị cáo T chỉ đưa cho bà C số tiền là 13.875.000đ bị cáo T bắt trả trước 05 ngày tiền lãi với số tiền là 1.125.000đ. Bà

C đã trả đủ cho bị cáo T số tiền gốc là 15.000.000đ và tiền lãi là 40.500.000đ. Tuy nhiên lãi suất cho vay hợp pháp theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự mà bị cáo T được hưởng là 1.500.030đ, vậy số tiền lãi thu lợi bất chính của bị cáo T là 38.999.970đ.

4. Bà Phạm Thị Thúy K: Bà K vay của bị cáo T với số tiền là 10.000.000đ thỏa thuận lãi suất là 15.000đ/1.000.000đ/ngày. Bà K đã trả cho bị cáo T 10.000.000đ tiền nợ gốc và số tiền lãi là 15.000.000đ. Tuy nhiên lãi suất cho vay hợp pháp theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự mà bị cáo T được hưởng là 555.567đ, vậy số tiền lãi thu lợi bất chính của bị cáo T là 14.444.433đ.

Như vậy, Trần Thị H, Huỳnh Thành P1, Tô Thị Bích C và Phạm Thị Thúy K vay tiền của bị cáo Nguyễn Tấn T với tổng số tiền vay 53.000.000đ người vay phải trả số tiền là 136.520.000đ, đã trả 128.520.000đ, người vay còn nợ lại số tiền là 8.000.000đ, bị cáo T thu được 83.520.000đ tiền lãi, trong đó lãi hợp pháp là 3.101.747đ, lãi bất hợp pháp là 80.418.253đ.

Còn một số người vay tiền của bị cáo T trên địa bàn huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương, Cơ quan CSĐT Công an huyện Phú Giáo chưa làm việc được, Cơ quan CSĐT Công an huyện Phú Giáo tiếp tục xác minh, khi nào tìm được sẽ xử lý sau.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra thu giữ:

01 xe mô tô biển số 61F1-44731, hiệu Honda, loại Vario, số khung MH1JM511XKK480465, số máy JM51E1479779 do Nguyễn Tấn T đứng tên chủ sở hữu; 01 gậy ba khúc.

Tại bản Cáo trạng số 66/CT–VKSPG ngày 15/7/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Nguyễn Tấn T về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) tuyên bố bị cáo Nguyễn Tấn T phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 201, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ.

Về xử lý vật chứng:

- 01 xe mô tô biển số 61F1-44731, hiệu Honda, loại Vario, số khung MH1JM511XKK480465, số máy JM51E1479779 do Nguyễn Tấn T đứng tên chủ sở hữu. T sử dụng xe mô tô làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội, đề nghị tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- 01 gậy ba khúc, không còn giá trị sử dụng, không liên quan đến hành vi phạm tội, đề nghị tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền 53.000.000đ là tiền gốc mà T đã bỏ ra để thực hiện hành vi cho vay và người vay đã trả lại cho bị cáo. Đây là tiền dùng vào việc phạm tội nên đề nghị buộc bị cáo nộp lại để nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền lãi tương đương lãi suất 20%/năm là 3.101.747đ. Đây là tiền lãi bị cáo T có được do thực hiện hành vi phạm tội mà có, đề nghị buộc bị cáo nộp lại để nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền lãi thu lợi bất chính là 80.418.253đ. Đây là tiền bị cáo T thu lợi bất chính từ việc phạm tội, đề nghị trả lại cho những người vay. Cụ thể:

+ Trả lại cho bà Trần Thị H số tiền 17.332.000đ;

+ Trả lại cho ông Huỳnh Thành P1 số tiền 9.645.920đ;

+ Trả lại cho bà Tô Thị Bích C số tiền 38.997.000đ;

+ Trả lại cho bà Phạm Thị Thúy K số tiền 14.443.333đ.

- Đối với số tiền gốc 8.000.000đ mà T dùng vào việc phạm tội nhưng ông Huỳnh Thành P1 chưa trả lại cho T, đề nghị truy thu để nộp ngân sách Nhà nước.

Phần tranh luận, bị cáo không có ý kiến tranh luận, đồng ý với tội danh, mức hình phạt và các biện pháp tư pháp mà vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

Trong lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo ăn năn hối hận và xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra, Điều tra viên Công an huyện Phú Giáo, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, trong quá trình Điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình Điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. HĐXX xét thấy các quyết định, hành vi của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa bị cáo T trình bày: Khoảng thời gian từ tháng 12/2019 đến tháng 5/2020, bị cáo có hành vi cho vay với lãi suất là 1,5%/1.000.000đ/ngày, tương đương lãi suất 45%/tháng và 540%/năm, đã vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự và tổng số tiền T cho bà Trần Thị H, ông Huỳnh Thành P1, bà Tô Thị Bích C và bà Phạm Thị Thúy K vay 53.000.000đ,

người vay phải trả số tiền gốc và lãi là 136.520.000đ, đã trả 128.520.000đ, người vay còn nợ lại số tiền là 8.000.000đ, bị cáo T thu được 83.520.000đ tiền lãi, trong đó lãi hợp pháp là 3.101.747đ, lãi bất hợp pháp là 80.418.253đ.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Về nhận thức, bị cáo biết được hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo đủ tuổi, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 12 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Hành vi của bị cáo đã lợi dụng hoàn cảnh kinh tế khó khăn của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để cho vay với lãi suất cao hơn 5 lần mức lãi suất cao nhất mà pháp luật quy định. Hành vi của bị cáo không chỉ xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về tín dụng mà cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, xâm phạm đến lợi ích của công dân mà còn làm ảnh hưởng tới an ninh trật tự tại địa phương.

Với các tình tiết của vụ án được chứng minh tại phiên tòa, HĐXX có đủ chứng cứ kết luận bị cáo Nguyễn Tấn T đã phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự đúng như nội dung Cáo trạng đã truy tố.

Xét động cơ, mục đích phạm tội vì tham lam, tư lợi, muốn có tiền tiêu xài để thỏa mãn nhu cầu cá nhân nhưng lười lao động nên bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo có nhân thân xấu, nhiều lần bị xử phạt hành chính, xử lý hình sự nhưng không lấy đó làm bài học mà vẫn tiếp tục phạm tội. Vì vậy, cần phải có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội bị cáo, có như vậy mới đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo, đồng thời nêu gương phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như sau:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, được quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về xử lý vật chứng của vụ án:

- 01 xe mô tô biển số 61F1-44731, hiệu Honda, loại Vario, số khung MH1JM511XKK480465, số máy JM51E1479779 do Nguyễn Tấn T đứng tên chủ sở hữu. T sử dụng xe mô tô làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội, đề nghị tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- 01 gậy ba khúc, không còn giá trị sử dụng, không liên quan đến hành vi phạm tội, đề nghị tịch thu tiêu hủy.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp là phù hợp nên HĐXX chấp nhận. Đối với đề nghị mức hình phạt là cải tạo không giam giữ đối với bị cáo: HĐXX xét thấy, theo quy định tại khoản 1 Điều 36 Bộ luật Hình sự thì *"Cải tạo không giam giữ được áp dụng từ 06 tháng đến 03 năm đối với người phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội nghiêm trọng do Bộ luật này quy định mà đang có nơi làm việc ổn định hoặc có nơi cư trú rõ ràng nếu xét thấy không cần thiết phải cách ly người phạm tội khỏi xã hội"*. Tuy nhiên, hiện tại bị cáo đang bị chấp hành án tại Trại giam An Phước không đủ các điều kiện để chấp hành hình phạt "Cải tạo không giam giữ". Đồng thời theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc Hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án hình sự cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự thì về nguyên tắc xử lý đối với người phạm tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là "*Xem xét áp dụng nghiêm khắc hình phạt tiền là hình phạt chính đối với người thực hiện hành vi phạm tội*". Do vậy, HĐXX không chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; các Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; các Điều 106, 135, 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; các Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc Hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án hình sự cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tấn T phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn T 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 xe mô tô biển số 61F1-44731, hiệu Honda, loại Vario, số khung MH1JM511XKK480465, số máy JM51E1479779 của bị cáo Nguyễn Tấn T.

- Tịch thu tiêu hủy 01 gậy ba khúc.

(*Theo Biên bản giao nhận vật chứng 18/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo*).

4. Về biện pháp tư pháp:

- Buộc bị cáo Nguyễn Tấn T phải nộp 53.000.000đ (năm mươi ba triệu đồng) là tiền cho vay, 3.101.747đ (ba triệu một trăm lẻ một nghìn bảy trăm bốn mươi bảy đồng) là tiền lãi theo quy định của Điều 468 Bộ luật Dân sự; 80.418.253đ (tám mươi triệu bốn trăm mười tám nghìn hai trăm năm mươi ba đồng) là tiền lãi vượt quá quy định của Điều 468 Bộ luật Dân sự để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo phải trả lại cho bà Trần Thị H số tiền 17.332.000đ (mười bảy triệu ba trăm ba mươi hai nghìn đồng); trả lại cho ông Huỳnh Thành P1 số tiền 9.645.920đ (chín triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn chín trăm hai mươi đồng); trả lại bà Tô Thị Bích C số tiền 38.997.000đ (ba mươi tám triệu chín trăm chín mươi bảy nghìn đồng); trả lại cho bà Phạm Thị Thúy K số tiền 14.443.333đ (mười bốn triệu bốn trăm bốn mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).

- Buộc ông Huỳnh Thành P1 nộp 8.000.000đ (tám triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

5. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng bên phải thi hành án phải bàu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

6. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Tấn T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có*

*quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Công an huyện Phú Giáo;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Mạnh**